ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
ĐẢNG UỶ PHƯỜNG CHƠN THÀNH
*
Số 198 -KH/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Chơn Thành, ngày 26 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 28/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 28/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11-NQ/TU),

Ban Chấp hành Đảng bộ phường ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH

Phường Chơn Thành được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 phường Hưng Long, Thành Tâm và Minh Thành theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh (nay là thành phố) Đồng Nai năm 2025; chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Phường có điều kiện thuận lợi phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ; sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì, phát triển gắn với quá trình đô thị hóa.

Theo Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 06/9/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030, phường Chơn Thành không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không có địa bàn đặc biệt khó khăn. Là đơn vị hành chính đô thị, phường không thuộc đối tượng thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới; tuy nhiên, trên địa bàn vẫn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, các nhiệm vụ phát triển sản xuất, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện.

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư hạ tầng, thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và chăm lo đời sống Nhân dân. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ; hạ tầng thiết yếu từng bước được hoàn thiện, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân. Tuy nhiên, quá trình

đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, ổn định sinh kế, bảo vệ môi trường và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TU; tạo sự thống nhất về nhận thức, trách nhiệm và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết phù hợp với đặc điểm, điều kiện của phường Chơn Thành, gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng và thẩm quyền, xác định rõ nội dung, tiến độ và kết quả cần đạt.

3. Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu; phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền". Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, tránh chồng chéo; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường; xác định phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững, chăm lo đời sống Nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị.

- Phát triển nông nghiệp gắn với đô thị hóa, công nghiệp, thương mại, dịch vụ theo hướng xanh, hiện đại, bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và liên kết chuỗi giá trị.

- Lấy người dân làm trung tâm, chủ thể và động lực phát triển; lấy thu nhập, chất lượng sống và mức độ hài lòng của Nhân dân làm thước đo kết quả. Giảm nghèo phải thực chất, đa chiều, bền vững, gắn với sinh kế, việc làm và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

- Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực, có trọng tâm, trọng điểm; nguồn lực nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, đồng thời phát huy nguồn lực doanh nghiệp, cộng đồng. Ưu tiên hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng phường Chơn Thành hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, góp phần tăng chỉ số hạnh phúc trong Nhân dân.

- Phát triển kinh tế trên địa bàn phường theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng và các thành phần kinh tế; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội; thu hẹp chênh lệch về thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản giữa các khu vực, nhóm dân cư, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống, làm nền tảng cho sự phát triển toàn diện của địa phương; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

3. Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở mục tiêu của Nghị quyết số 11-NQ/TU, các chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 19/8/2025) và tình hình thực tế của địa phương, Đảng ủy phường xác định các mục tiêu chủ yếu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 như sau:

3.1. Mục tiêu đến năm 2030.

- Thu nhập bình quân chung đầu người đạt 120 triệu đồng/năm[1]

- Phấn đấu có 80% số hộ nông dân người đồng bào dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Phấn đấu 100% người dân là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn phường có bảo hiểm y tế và tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản miễn phí.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 97%.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 92%.

3.2. Mục tiêu đến năm 2035.

- Thu nhập bình quân chung đầu người tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 95%.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá

4.1. Tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, cấp nước sạch, hạ tầng số, viễn thông trên địa bàn phường, đồng bộ với các hạ tầng chiến lược của thành phố theo hướng hiện đại, đa mục tiêu.

---

[1] Chỉ tiêu thu nhập bình quân chung đầu người đến năm 2030 theo Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 20/8/2026 của Thành ủy Đồng Nai về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 về phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng chính quyền giai đoạn 2025-2030.

4.2. Lấy chuyển đổi số và hệ sinh thái nông nghiệp số làm nền tảng phát triển sản xuất và kinh tế địa phương; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, thông minh; từng bước nâng cao thu nhập, chất lượng sống và mức độ thụ hưởng dịch vụ cơ bản của người dân trên địa bàn phường.

4.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu lực, hiệu quả hệ thống chính trị cơ sở. Tăng cường công tác đào tạo, chuyển giao công nghệ để người nông dân hình thành tư duy sản xuất kinh tế hàng hóa lớn, chuyên nghiệp, hiện đại. Chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn phường.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người dân

- Quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 11-NQ/TU và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh. Bảo đảm quyền làm chủ của người dân theo phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường trong tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất, kinh doanh, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân tại cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, phong trào "Dân vận khéo" và các phong trào thi đua yêu nước. Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo chuyển biến về nhận thức, khơi dậy ý chí, động lực tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của mỗi người dân và cộng đồng dân cư trong giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế và xây dựng đô thị văn minh; tuyên truyền, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả, gương nông dân tiêu biểu. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Nghị quyết.

2. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và thích ứng với thị trường

- Tập trung cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế và các ngành nghề trên địa bàn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị; phát huy lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, hạ tầng kinh tế, gắn với quá trình đô thị hóa và chủ động thích ứng với nhu cầu thị trường, biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích xây dựng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp xanh, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp đô thị, phát thải thấp, bảo vệ môi trường; phát triển các mô hình sinh kế đa dạng, phù hợp với điều kiện của địa phương. Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất để giảm nghèo, nâng cao thu nhập; chuyển đổi cơ cấu cây

trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế của địa bàn và nhu cầu thị trường; phát triển sản xuất hàng hóa gắn với liên kết chuỗi giá trị, chế biến và tiêu thụ bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng, vùng nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Chú trọng phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp và các sản phẩm có lợi thế, giá trị kinh tế cao; phát triển chăn nuôi phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, bảo đảm an toàn sinh học, phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Hỗ trợ các chủ thể tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, đăng ký bảo hộ, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

- Rà soát, tổ chức không gian sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch, điều kiện đất đai, lợi thế của địa phương và yêu cầu phát triển đô thị. Thúc đẩy liên kết "6 nhà"; khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ; tạo điều kiện để các hộ sản xuất tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức ngành nghề nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Phát triển hoạt động khuyến nông gắn với nhu cầu thực tế; xây dựng sản phẩm OCOP theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, phát huy tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa của địa phương.

- Khuyến khích hợp tác xã tham gia phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, kết nối tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, hệ thống phân phối hiện đại và thương mại điện tử; nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể. Phấn đấu đến năm 2030, 70% vùng trồng được cấp mã số, 100% sản phẩm nông sản chủ lực được truy xuất nguồn gốc điện tử; trên 85% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động khá, tốt, trên 70% hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong quản trị, điều hành và sản xuất.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; hướng dẫn đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm. Khuyến khích phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương gắn với sản phẩm OCOP và bản sắc văn hóa địa phương.

- Gắn sản xuất nông nghiệp với thương mại, dịch vụ, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; hỗ trợ phụ nữ, thanh niên, đồng bào dân tộc thiểu số khởi nghiệp, phát triển kinh tế hộ và các mô hình sinh kế phù hợp.

3. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Rà soát hiện trạng, nhu cầu phát triển hạ tầng trên địa bàn phường; phối hợp với các cơ quan chuyên môn cập nhật, đề xuất các nội dung phù hợp vào quy hoạch của thành phố. Tổ chức không gian sản xuất, khu dân cư gắn với mạng lưới đô thị, các hành lang kinh tế và hệ thống hạ tầng chiến lược của thành phố; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của người dân, bảo vệ cảnh quan, môi trường và sử dụng hiệu quả quỹ đất.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch trên địa bàn; chủ động quản lý quá trình đô thị hóa, bảo đảm phát triển hài hòa giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp. Gắn phát triển hạ tầng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân; bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, cảnh quan và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông trên địa bàn theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối giữa các khu phố, khu dân cư, khu vực sản xuất với các tuyến giao thông chính và địa phương lân cận. Ưu tiên các tuyến đường còn thiếu, xuống cấp, các công trình phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và tiếp cận dịch vụ thiết yếu của người dân. Tăng cường quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình, bảo đảm an toàn giao thông và khả năng khai thác lâu dài.

- Quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là giao thông, thủy lợi, điện sản xuất, hệ thống sơ chế, đóng gói, bảo quản sản phẩm phù hợp với nhu cầu thực tế. Gắn đầu tư hạ tầng với cơ cấu lại sản xuất, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình sau đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước sạch, nâng cao chất lượng và tính ổn định của dịch vụ cấp nước trên địa bàn. Tuyên truyền, vận động người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh đấu nối, sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn; ưu tiên khu vực còn khó khăn trong tiếp cận nước sạch, có nguy cơ thiếu nước hoặc ô nhiễm nguồn nước. Tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của người dân; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các công trình phục vụ cộng đồng. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu dạy và học; quan tâm hạ tầng, trang thiết bị của Trạm Y tế phường, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của Nhân dân.

- Từng bước hoàn thiện hạ tầng thương mại, phát triển các mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu mua bán, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân; phối hợp đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước, thu gom, xử lý nước thải, chất thải, bảo đảm vệ sinh môi trường và phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị của phường.

4. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; gắn với phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, chất lượng nguồn nhân lực và đời sống Nhân dân trên địa bàn phường.

- Phối hợp nghiên cứu, đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản, chế biến sâu và các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất thông minh, ứng dụng tự động hóa, công nghệ số phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng công nghệ, mở rộng liên kết thị trường và tham gia chuỗi giá trị. Hướng dẫn các chủ thể tiếp cận nền tảng thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, thanh toán số và các dịch vụ phục vụ phân phối, vận chuyển sản phẩm; phối hợp kết nối với hệ thống giao dịch, tiêu thụ nông sản của thành phố.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, dữ liệu và khai thác các nền tảng số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phối hợp xây dựng, cập nhật, số hóa dữ liệu lĩnh vực nông nghiệp, môi trường thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm kết nối, chia sẻ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, kết nối thông tin từ sản xuất đến thị trường tiêu thụ, cung cấp thông tin, dự báo thị trường. Phấn đấu đến năm 2030 có 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả.

- Khuyến khích, hỗ trợ hợp tác xã nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng công nghệ và liên kết thị trường; đào tạo, tập huấn kiến thức sản xuất, kinh doanh, quản trị hợp tác xã và kỹ năng số, góp phần hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề. Gắn đào tạo nghề với nhu cầu tuyển dụng, chuyển đổi nghề nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

- Phấn đấu 100% cán bộ, công chức phường được đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý dự án và công nghệ số, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Phối hợp với cơ quan chuyên môn, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia và doanh nghiệp trong chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng nhân lực; nâng cao tỷ lệ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

5. Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tăng cường bảo vệ môi trường, nâng cao tỷ lệ phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; hướng dẫn thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật, chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Kiểm tra, xử lý các điểm ô nhiễm, tình trạng đổ rác, xả nước thải không đúng quy định; kiểm soát chất lượng môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu vực chăn nuôi và những nơi có nguy cơ gây ô nhiễm. Khuyến khích phát triển các mô hình thu gom, tái chế chất thải, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với quy mô hộ gia đình và cộng đồng dân cư.

- Duy trì các mô hình tự quản về vệ sinh môi trường, tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp; vận động cơ quan, doanh nghiệp và người dân trồng, chăm sóc cây xanh, cải tạo cảnh quan khu dân cư. Gắn bảo vệ môi trường với xây dựng khu phố văn hóa, nếp sống văn minh đô thị và phát huy vai trò giám sát của cộng đồng.

- Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, nhất là đất và nước; tăng cường bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân. Quan tâm quản lý, vận hành, duy tu các công trình thủy lợi, hệ thống thoát nước theo phân cấp; chủ động rà soát khu vực có nguy cơ ngập úng, ô nhiễm nguồn nước và ảnh hưởng của thiên tai để triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, bảo đảm an toàn cho người dân và hoạt động sản xuất.

- Khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, các mô hình sản xuất, tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ trong tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả nguyên liệu, tái sử dụng và tái chế phụ phẩm. Gắn phát triển sản xuất, kinh doanh với bảo vệ môi trường, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động phòng ngừa, kiểm soát phát sinh chất thải, phát thải ngay từ quá trình sản xuất.

6. Hoàn thiện chính sách và huy động nguồn lực

- Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất, liên kết tiêu thụ, khuyến nông, khuyến công, OCOP, tín dụng và an sinh xã hội; rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách về nông nghiệp đô thị, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh. Hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận đất đai, tài chính, tín dụng và triển khai các mô hình, dự án do người dân góp vốn.

- Triển khai hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm. Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức tín dụng hướng dẫn người dân tiếp cận nguồn vốn phù hợp; quan tâm bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định để hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, ổn định sinh kế, cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số đủ điều kiện thụ hưởng. Gắn hỗ trợ vốn với hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo nghề, kết nối thị trường và theo dõi hiệu quả sử dụng vốn.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp, lồng ghép hiệu quả nguồn lực từ ngân sách, các chương trình, dự án với nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng để triển khai thực hiện Kế hoạch. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi, cấp nước sạch, hạ tầng số, hạ tầng thương mại; phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp; hỗ trợ, nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh, sinh kế phù hợp với hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được giao, bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp nội dung và đối tượng hỗ trợ.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển sản xuất, giảm nghèo, công tác dân tộc, tài nguyên và môi trường; thực hiện phân cấp, phân quyền theo quy định, gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng

lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí; công khai, minh bạch việc phân bổ nguồn lực, lựa chọn công trình, mô hình và đối tượng thụ hưởng, bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định, hiệu quả, phòng ngừa thất thoát, lãng phí.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- Cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch này; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài. Đưa nhiệm vụ vào chương trình công tác, sinh hoạt chi bộ và kế hoạch kiểm tra, giám sát; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng giao nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền"; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thông qua thu nhập, giảm nghèo, việc làm và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản của người dân; kịp thời xử lý hoặc đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, ổn định; chú trọng bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý chương trình, dự án, chuyển đổi số và quản trị dựa trên dữ liệu. Phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu trong năm.

- Rà soát, kiện toàn đầu mối tham mưu, quản lý, điều phối các chương trình, nhiệm vụ liên quan trên địa bàn, bảo đảm tinh gọn, rõ trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc "một kế hoạch, nhiều nguồn lực, cùng mục tiêu".

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, giám sát, phản biện xã hội; tiếp nhận, tổng hợp phản ánh, kiến nghị. Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, kinh tế tập thể, sản xuất an toàn; hỗ trợ phụ nữ, thanh niên khởi nghiệp, phát triển kinh tế, phát huy vai trò xung kích của Đoàn Thanh niên và trí thức trẻ trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy phường tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU và Kế hoạch này; cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, địa bàn phụ trách. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục hạn chế, bảo đảm tiến độ và chất lượng các nhiệm vụ đề ra.

2. Ủy ban nhân dân phường xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể hóa nhiệm vụ hằng năm; xác định rõ chỉ tiêu, danh mục nhiệm vụ, công trình, mô hình ưu tiên, cơ quan chủ trì, phối hợp, nguồn lực, tiến độ, sản phẩm và chỉ tiêu đầu ra. Huy động, bố trí nguồn lực theo phân cấp; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, khu phố tổ chức thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giải quyết khó khăn theo thẩm quyền.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời chỉ đạo xử lý hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp rà soát, trình HĐND phường xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền để bảo đảm nguồn lực thực hiện Kế hoạch. Tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, phân bổ và sử dụng kinh phí, kết quả giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội và giải quyết kiến nghị của cử tri; kiến nghị xử lý bất cập trong tổ chức thực hiện.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các tổ chức chính trị - xã hội phường: Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch; lồng ghép với các cuộc vận động, phong trào thi đua, hoạt động hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo, khởi nghiệp, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Vận động, quản lý, sử dụng các nguồn hỗ trợ đúng quy định; phát huy người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, vai trò tự quản của cộng đồng. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội; tổng hợp phản ánh, kiến nghị, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

5. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy phường: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan liên quan tham mưu triển khai, phổ biến, quán triệt Kế hoạch này trong toàn phường; thường xuyên định hướng công tác tuyên truyền. Theo dõi tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình hiệu quả.

6. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường: Chủ trì, tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này ở các chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập; xử lý nghiêm tình trạng triển khai hình thức, chậm trễ, kém hiệu quả.

7. Văn phòng Đảng ủy phường: Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường theo dõi, đôn đốc các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch; kịp thời đưa các nội dung cần chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vào chương trình làm việc của Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy phường theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ phường về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 28/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035. Đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phường, cơ quan, đơn vị và khu phố nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ủy ban nhân dân phường), kịp thời phản ánh, đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc.

Nơi nhận:
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Văn phòng Thành ủy;
- Các đ/c UVBTV Đảng ủy phường;
- HĐND, UBND phường;
- MTTQ và các tổ chức CT - XH phường;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các chi, đảng bộ trực thuộc;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M ĐẢNG ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY PHƯỜNG CHƠN THÀNH
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Ký bởi: Đảng ủy phường Chơn Thành, thành phố Đồn

Hà Duy Đạt

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035
(Kèm theo Kế hoạch số 198-KH/ĐU ngày 26 /10 / 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Chơn Thành)

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Cơ quan chủ trì tham mưu
1	Thu nhập bình quân chung đầu người	120 triệu đồng/năm	Tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
2	Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Từ 1-1,5%/năm	Từ 1-1,5%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2031-2035	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
3	Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn phường	Dưới 2%	Duy trì dưới 2%	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
4	Tỷ lệ số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa	80%	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
5	Tỷ lệ người dân là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn phường có bảo hiểm y tế và tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản miễn phí	100%	-	Phòng Văn hóa - Xã hội
6	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	100%	-	Phòng Văn hóa - Xã hội
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường được thu gom, xử lý theo quy định	97%	100%	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
8	Tỷ lệ dân số trên địa bàn phường sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	92%	95%	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

** UBND phường chỉ đạo các cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và khu phố tổ chức thực hiện, theo dõi, tổng hợp kết quả các chỉ tiêu được phân công*